



lǜ yīn
绿茵

noun · green grass; turf

Example Sentences

zú qiú chǎng pū mǎn lǜ yīn
足球场铺满绿茵。

The football field is covered with green turf.

yùn dòng yuán zài lǜ yīn shàng bēn pǎo
运动员在绿茵上奔跑。

The athletes are running on the green grass.

wéi hù lǜ yīn xū yào dìng qī jiāo shuǐ hé xiū jiǎn
维护绿茵需要定期浇水和修剪。

Maintaining turf requires regular watering and trimming.

Trace each character, then write the word on your own.

绿	绿	绿	绿	绿	绿	绿	绿	绿	绿	绿
绿	绿	绿								

茵	茵	茵	茵	茵	茵	茵	茵	茵	茵	茵
茵										